

**UỶ BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI**

Số: 431/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Lào Cai, ngày 24 tháng 02 năm 2011*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội  
huyện Bảo Thắng đến năm 2020**

**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 46/2008/QĐ-TTg ngày 31/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lào Cai đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BKH ngày 01/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn chi tiết lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Xét đề nghị của UBND huyện Bảo Thắng tại Tờ trình số 425/TTr-UBND ngày 29/12/2010 và ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 656/BC-SKH ngày 30/12/2010,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Bảo Thắng đến năm 2020, với những nội dung chủ yếu như sau:

**I. QUAN ĐIỂM CHỦ ĐẠO PHÁT TRIỂN**

1. Phát triển kinh tế - xã hội huyện được đặt trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lào Cai đảm bảo mối liên kết chặt chẽ với phát triển thành phố Lào Cai và Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lào Cai.

2. Phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở phát huy mọi nguồn lực, trước hết là nguồn lực con người, khai thác có hiệu quả các nguồn lực tự nhiên để hình thành sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường, phát huy được lợi thế của huyện.

3. Phát triển có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, trước hết là xây dựng kết cấu hạ tầng của huyện lỵ, các thị trấn, các trung tâm xã trong đó quan trọng nhất là kết cấu hạ tầng giao thông, thuỷ lợi, điện, trường học, trạm xá, thông tin liên lạc, phát thanh truyền hình... đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân.

4. Phát triển kinh tế gắn với giải quyết các vấn đề xã hội, tạo công ăn việc làm, xóa đói giảm nghèo; gắn với xây dựng nền an ninh - quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân đảm bảo các nhiệm vụ quốc phòng và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

5. Gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, coi trọng các giải pháp phòng tránh thiên tai và cháy rừng để giảm thiểu thiệt hại về người và của cho nhân dân.

## **II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2020**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Phát triển nền kinh tế với tốc độ tăng trưởng nhanh, bền vững, phấn đấu đến năm 2015 huyện Bảo Thắng là huyện phát triển khá của tỉnh; đến năm 2020 là huyện phát triển của tỉnh với nền kinh tế toàn diện, bền vững. Từng bước hình thành hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu thuận tiện cho phát triển kinh tế, giao lưu và giao thương với các nơi khác. Cơ cấu kinh tế huyện có bước chuyển biến đáng kể theo hướng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ ngày càng cao. Kinh tế nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, chất lượng cao mở rộng thị trường trong và ngoài tỉnh. Nâng cao rõ rệt chất lượng nguồn nhân lực và các dịch vụ xã hội như y tế, giáo dục - đào tạo, văn hoá, thể dục thể thao. Cải thiện đời sống nhân dân đi đôi với xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm, bảo đảm an sinh xã hội. Phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội.

### **2. Mục tiêu chủ yếu**

#### **2.1. Mục tiêu kinh tế:**

- Tổng giá trị sản xuất (GTSX) giai đoạn 2011 - 2015 bình quân tăng khoảng 18 - 20%/năm (trong đó CN - XD tăng 21 - 25%/năm, dịch vụ tăng 17 - 19%/năm, nông - lâm - thủy sản tăng khoảng 6%/năm), giai đoạn 2016 - 2020: Tăng khoảng 17 - 19%/năm (trong đó: CN - XD tăng 18 - 21%/năm, dịch vụ tăng 16 - 18%/năm, nông - lâm - thủy sản tăng 5 - 5,5%/năm).

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2015 đạt 30 - 34 triệu đồng, năm 2020 đạt 85 - 100 triệu đồng (theo giá thực tế).

- Tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ đạt khoảng 87% vào năm 2015 và đến năm 2020 tăng lên khoảng 94%.

#### **2.2. Các mục tiêu về xã hội:**

- Dân số của huyện đến năm 2015 vào khoảng 107,4 nghìn người và đến năm 2020 khoảng 112,6 nghìn người. Tốc độ tăng dân số trung bình giai đoạn 2011 - 2015 là 1,05%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 là 0,95%/năm.

- Giai đoạn 2011- 2015 giải quyết việc làm cho khoảng 2.500 người/năm; giai đoạn 2016 - 2020 từ 2.500 - 2.600 người/năm. Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đến năm 2015 đạt trên 30%, đến năm 2020 đạt khoảng 60%.

- Duy trì vững chắc chất lượng phổ cập tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, thực hiện PCGDTB - ĐĐT mức II, triển khai thực hiện thành công đề án PCGD mẫu giáo 5 tuổi; 100% trẻ em ở độ tuổi mầm non được chăm sóc tại các cơ sở giáo dục, đến năm 2015 trên 40% trường; đến năm 2020 có 65% trường đạt chuẩn quốc gia.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo mỗi năm khoảng 3% theo tiêu chuẩn nghèo mới.

- Trước năm 2015, 100% hộ gia đình được dùng nước sạch và hợp vệ sinh.

- Năm 2015, 100% xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế và đạt 28 giường bệnh/10.000 dân; đến năm 2020 đạt trên 30 giường bệnh/10.000 dân.

- Xây dựng 08 xã đạt tiêu chí nông thôn mới theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đến năm 2015 có 80% hộ gia đình, 70% số thôn, tổ dân phố và trên 95% số cơ quan, đơn vị, trường học đạt tiêu chuẩn văn hóa. Đến năm 2020 tỷ lệ tương ứng là 90%, 85%, 98%. Trước năm 2015, 100% thôn, tổ dân phố có nhà văn hóa.

- Đến năm 2015 phấn đấu đạt 19 máy điện thoại/100 dân; đến năm 2020 tỷ lệ này là 28 máy/100 dân; 100% xã được phủ sóng phát thanh và truyền hình trước năm 2015.

- Đến năm 2020 tỷ lệ dân số tập luyện thể thao thường xuyên đạt 30% trở lên.

### 2.3. Mục tiêu môi trường:

- Tỷ lệ che phủ rừng năm 2015 đạt khoảng 50%; năm 2020 đạt trên 56%. Đảm bảo 100% các tuyến lộ, sân trường, trạm y tế, cơ quan đơn vị trên địa bàn huyện được trồng cây xanh che phủ.

- Đến năm 2015 đảm bảo 100% số hộ ở thành thị, 80 số hộ ở nông thôn, 100% đơn vị văn hóa, trường học, trạm y tế bệnh viện, cơ quan có công trình hố xí hợp vệ sinh.

- Đảm bảo rác thải nguy hại trong sản xuất công nghiệp, chế biến và xử lý rác thải y tế, bệnh viện đảm bảo an toàn.

### 2.4. Quốc phòng - an ninh

Giữ vững trật tự xã hội và an ninh quốc gia, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân. Gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh, từng bước xây dựng khu vực phòng thủ huyện ngày càng vững chắc, sẵn sàng phục vụ địa phương vào thời chiến hoặc khi có tình huống.

## III. MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

### 1. Các ngành nông, lâm và thủy sản

\* Mục tiêu phát triển:

Đến năm 2015, GTSX nông, lâm, thủy sản đạt khoảng 383.462 triệu đồng, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011- 2015 khoảng 7,5%/năm; lương thực bình quân đầu

người đạt khoảng 330 kg/người/năm; thịt hơi các loại đạt khoảng 18 nghìn tấn; sản lượng cá 1,8 nghìn tấn; sản lượng chè búp tươi 6.000 tấn.

- Đến năm 2020: GTSX nông, lâm, thủy sản đạt khoảng 499.833 triệu đồng, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 6,0%/năm; lương thực bình quân đầu người đạt khoảng 300 kg/người/năm; năng suất lúa bình quân đạt khoảng 52 tạ/ha/năm; thịt hơi các loại đạt trên 26 nghìn tấn; sản lượng cá đạt trên 2 nghìn tấn.

#### \* Phương hướng phát triển:

- Áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật nhằm tạo ra sản phẩm hàng hóa rau, hoa quả, thực phẩm theo hướng tăng chất lượng, giá trị.

- Chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi hợp lý theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với thị trường, phù hợp với hệ sinh thái trên những vùng địa hình khác nhau, phòng tránh thiên tai, hình thành các vùng chuyên canh tập trung có năng suất cao, gắn với công nghệ sau thu hoạch và công nghiệp chế biến.

- Khai thác, sử dụng có hiệu quả đất đai; hạn chế chuyển đất trồng lúa nước sang các mục đích khác.

- Phát triển nông nghiệp trên cơ sở tăng cường và củng cố các điều kiện về kết cấu hạ tầng (hệ thống thủy lợi, giao thông, cung cấp điện) và phát triển mạnh dịch vụ nông nghiệp (dịch vụ cày, bừa, xay xát, cung ứng vật tư phân bón, phòng chống sâu bệnh, giống, tiêu thụ sản phẩm... ).

- Khuyến khích phát triển sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, trồng rừng... theo mô hình gia trại, trang trại.

## 2. Các ngành công nghiệp - tiêu thủ công nghiệp

\* Mục tiêu phát triển: Đến năm 2015, GTSX ngành CN - TTCN khoảng 1.576 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 23%/năm. Đến năm 2020 GTSX đạt khoảng 4.088 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 21%/năm.

\* Phương hướng phát triển: Phát triển công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp gắn với phát triển ngành nghề nông thôn và các vùng tập trung đông dân cư như thị trấn, trung tâm cụm xã, vùng có nguồn nguyên liệu tại chỗ. Khai thác có hiệu quả tiềm năng và lợi thế sẵn có của vùng để phát triển đa dạng hóa sản phẩm hàng hóa, từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn huyện. Phát triển công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp cần gắn với phát triển thương mại, dịch vụ và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Công nghiệp khai thác, chế biến tài nguyên khoáng sản:

Đầu tư khai thác đi đôi với chế biến sâu các loại tài nguyên, khoáng sản trên địa bàn như quặng Apatít, sắt, cao lanh, Fenfát,... phát triển mạnh công nghiệp phụ trợ.

- Công nghiệp cơ khí, điện, công nghiệp phụ trợ:

+ Phát triển công nghiệp cơ khí, điện trở thành ngành công nghiệp quan trọng, có giá trị gia tăng lớn trong sản xuất công nghiệp của tỉnh. Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp cơ khí chế tạo, cơ khí sửa chữa, hàng tiêu dùng...

+ Kêu gọi đầu tư xây dựng một số cơ sở sản xuất thép các loại, sản xuất khung nhà tiền chế, thiết bị điện, điện tử...

+ Sản xuất các loại máy nông nghiệp phục vụ nhu cầu trong tỉnh và vùng, nhất là các sản phẩm cơ khí phù hợp với việc canh tác trên địa bàn.

+ Tổ chức mạng lưới phục vụ sửa chữa, cho thuê máy móc canh tác, gia công thuê, chế biến nông sản cỡ nhỏ, nhằm từng bước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn.

- Công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm:

Đưa công nghệ hiện đại vào ứng dụng trong các ngành công nghiệp chế biến. Phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm gắn liền với phát triển vùng nguyên liệu nhằm giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho khu vực nông thôn. Giảm dần sơ chế, tăng cường chế biến sâu. Khuyến khích các thành phần tham gia phát triển công nghiệp chế biến. Khuyến khích các cơ sở sản xuất quy mô vừa và nhỏ gắn với phát triển TTCN, nghề và làng nghề.

+ Chế biến các sản phẩm từ chè: Kêu gọi vốn đầu tư để xây dựng các cơ sở thu mua và chế biến tập trung các sản phẩm chè cao cấp, chất lượng cao phục vụ tốt nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

+ Chế biến lương thực, thực phẩm: Tập trung chủ yếu ở khu vực nông thôn và làng nghề chế biến các sản phẩm từ lúa, gạo, ngô, sắn, đậu tương, lạc, vừng, cà chua, dưa chuột. Chế biến thịt gia súc, gia cầm, các loại thức ăn chín như: Giò chả, thịt hun khói và các thực phẩm khác, chủ yếu bố trí tập trung ở các khu, cụm công nghiệp.

+ Khuyến khích các hộ gia đình chăn nuôi quy mô lớn theo kiểu công nghiệp, khuyến khích đầu tư các cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi.

- Công nghiệp vật liệu xây dựng:

Tăng sản lượng gạch nung, khuyến khích đầu tư xây dựng cơ sở nhà máy, xí nghiệp sản xuất các sản phẩm vật liệu xây dựng khác như xi măng, gạch tuylel (thay thế dần các lò gạch thủ công), bột đá,... đáp ứng nhu cầu trong huyện và tạo nguồn hàng cung ứng cho thị trường.

- Phát triển công nghiệp sản xuất dược phẩm, phân bón và hoá chất:

Khuyến khích mọi hình thức đầu tư, đặc biệt là đầu tư nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực sản xuất dược phẩm, phân bón và hoá chất.

- Phát triển các khu công nghiệp tập trung, cụm, điểm công nghiệp:

+ Giai đoạn 2011 - 2015: Tiếp tục quy hoạch, xây dựng và hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật KCN tập trung Tầng Loồng mở rộng về phía Nam đạt quy mô 1.600 ha. Hoàn chỉnh quy hoạch và xây dựng 04 cụm TTCN: Cụm TTCN Phú Long II - TT Phố Lu; cụm TTCN Gia Phú; cụm TTCN Xuân Quang và cụm TTCN Bản Phiệt.

+ Giai đoạn 2016 - 2020: Xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng khu công nghiệp tập trung, các cụm điểm công nghiệp làng nghề. Tiếp tục mở rộng các khu, cụm TTCN nếu có nhu cầu và thu hút các dự án đầu tư, phần đầu lấp đầy trên 90% diện tích.

### 3. Các ngành dịch vụ

\* Mục tiêu phát triển: Phấn đấu tăng trưởng GTSX khu vực dịch vụ giai đoạn 2011 - 2015 bình quân tăng 17,3%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 bình quân tăng 17%/năm; tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ duy trì tăng trưởng ở mức cao bình quân tăng 18 - 20%/năm cho cả giai đoạn 2011 - 2020.

\* Phương hướng phát triển:

- Đầu tư xây dựng hệ thống chợ nông thôn và các điểm mua bán nông, lâm sản hàng hoá, tăng cường vai trò thương mại nhà nước, tổ chức các điểm thu mua và cung ứng hàng hoá cho nhân dân, thực hiện các nhiệm vụ về chính sách trợ cước, trợ giá cho đồng bào ở miền núi.

- Phát triển ngành dịch vụ tương xứng với tiềm năng và khai thác tối đa lợi thế so sánh của huyện để trở thành đòn bẩy thúc đẩy phát triển các ngành sản xuất.

- Xác định các loại hình dịch vụ nhiều tiềm năng để ưu tiên đầu tư phát triển, chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật các ngành dịch vụ.

\* Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia kinh doanh dịch vụ trên địa bàn.

- Chỉ đạo thực hiện tốt việc quản lý chất lượng hàng hoá, đảm bảo việc cung ứng hàng hoá đúng chất lượng, nhất là trong các dịp lễ, Tết. Nâng cao vai trò và hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động thương mại, tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, tạo điều kiện cho mọi chủ thể kinh tế phát triển kinh doanh, cạnh tranh lành mạnh trong khuôn khổ pháp lý.

- Phát triển nhiều loại hình dịch vụ cung ứng các loại vật tư nông nghiệp đến các thôn bản. Cung cấp các mặt hàng chính sách, mặt hàng thiết yếu cho đồng bào vùng sâu, đồng bào thiểu số.

- Mở rộng thị trường tiêu thụ thông qua hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá giới thiệu sản phẩm. Cải tạo nâng cấp, mở rộng hệ thống chợ nông thôn, phát triển nhiều loại hình dịch vụ; chú trọng khu vực Tầng Loỏng, Xuân Giao, thị trấn Phố Lu, khu vực Bản Phiệt, từng bước hình thành các trung tâm dịch vụ thương mại cung cấp hàng hóa cho cụm công nghiệp.

+ Xây dựng siêu thị thôn Phú Thành tại thị trấn Phố Lu; siêu thị tại thị trấn Tầng Loỏng;

+ Xây mới chợ xã Bản Cầm, chợ xã Sơn Hà, chợ thị trấn Phố Lu;

+ Nâng cấp, cải tạo chợ Xuân Giao, chợ trung tâm thị trấn Phố Lu, chợ Tầng LoỎng;

+ Tổ chức bảo vệ, xây dựng khu du lịch sinh thái tại thôn Đầu Nhuần - xã Phú Nhuận; thôn Trát - TT Tầng LoỎng, khuyến khích phát triển du lịch sinh thái tại địa phương.

- Huy động mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng các điểm du lịch; khuyến khích và tạo điều kiện để các nhà đầu tư xây dựng nhà hàng, cơ sở lưu trú khang trang, tiện nghi phục vụ cho nhu cầu ăn, ở, nghỉ ngơi nhằm thu hút du khách.

- Trùng tu, tôn tạo các di tích, lễ hội văn hóa truyền thống; huy động nhân dân đóng góp, công đức kết hợp với đầu tư của Nhà nước để trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử và văn hoá.

- Các loại hình dịch vụ khác:

+ Phát triển mạng lưới dịch vụ vận tải, tăng cường các tuyến vận tải nội huyện, nội tỉnh và liên tỉnh đáp ứng được yêu cầu chuyên chở vật tư, hàng hoá và đi lại của nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội.

+ Hiện đại hóa hệ thống thông tin liên lạc, tiếp tục phát triển mạnh mẽ dịch vụ bưu chính viễn thông đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt, phục vụ hiệu quả yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập.

+ Nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các loại hình kinh doanh dịch vụ tại trung tâm thị trấn, thị tứ như: Dịch vụ văn hoá - thể thao, vui chơi giải trí, đại lý cung cấp, dịch vụ chăm sóc cá nhân...

+ Đổi mới căn bản cơ chế cung ứng các loại hình dịch vụ khoa học công nghệ, tin học, y tế, giáo dục đào tạo, thể dục thể thao, tư vấn pháp luật... đáp ứng nhu cầu sản xuất, đời sống của nhân dân góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

+ Thực hiện chuyển các hoạt động sự nghiệp sang cơ chế cung ứng dịch vụ phù hợp với cơ chế thị trường.

#### **4. Phương hướng và mục tiêu phát triển các lĩnh vực xã hội**

##### **4.1. Giáo dục - đào tạo:**

\* Mục tiêu và phương hướng phát triển:

- Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực; chú trọng đào tạo nhân lực có trình độ, công nhân kỹ thuật lành nghề, đào tạo nguồn nhân lực cho nông thôn. Củng cố vững chắc kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở tiến tới phổ cập GDPT, đến năm 2015 có 100% học sinh các trường trung học cơ sở, 50% các trường tiểu học được học Ngoại ngữ, Tin học; đến năm 2020, 100% học sinh tiểu học được học Ngoại ngữ và Tin học.

- Bình quân hàng năm có từ 30 - 35% học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng và có khả năng sử dụng được Ngoại ngữ và Tin học.

- Đến năm 2015 có 40% giáo viên mầm non, tiểu học và trung học cơ sở; 30 - 40% giáo viên trung học phổ thông đạt trình độ trên chuẩn; 42% tổng số trường đạt chuẩn Quốc gia và 100% các cơ sở giáo dục được xây dựng kiên cố, trang bị cơ bản đủ trang thiết bị đáp ứng yêu cầu dạy và học. Đến năm 2020 có 65% tổng số trường đạt chuẩn quốc gia.

- Đa dạng hoá các loại hình đào tạo, hoàn thiện cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng đào tạo tại trung tâm dạy nghề. Đến năm 2015 trên 50% và đến năm 2020 có khoảng 85% số lao động được qua đào tạo nghề.

\* Một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Làm tốt công tác tuyên truyền về vai trò, vị trí của giáo dục - đào tạo trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục - đào tạo trong từng năm phù hợp với điều kiện thực tế và xu hướng phát triển của xã hội.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, thực hiện tốt các chương trình, đề án phát triển giáo dục - đào tạo. Tăng cường trao đổi và học tập kinh nghiệm về công tác quản lý, các điển hình tiên tiến về giáo dục và đào tạo trong nước cũng như ngoài nước.

- Tăng cường đầu tư các trang thiết bị phục vụ cho dạy và học, trong đó quan tâm thích đáng tới môn Ngoại ngữ và Tin học đáp ứng kịp thời xu thế hội nhập.

- Củng cố vững chắc kết quả công tác PCGD tiểu học và THCS; xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia. Phát triển các lớp nội trú, bán trú dân nuôi trong huyện. Xây dựng trường THCS&THPT Dân tộc Nội trú huyện. Ưu tiên KCHTL cho các lớp học ở thôn bản vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn. Nâng cao chất lượng giáo dục, hướng nghiệp, dạy nghề cho học sinh nhất là học sinh vùng nông thôn, vùng công nghiệp, vùng GPMB. Xây dựng mô hình trường bán trú dân nuôi có sự hỗ trợ của Nhà nước. Mở rộng liên thông, liên kết giữa các Trung tâm và các cơ sở giáo dục, cơ sở sản xuất trong và ngoài tỉnh để tổ chức các hình thức học tập khác.

- Tăng cường sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường, xã hội trong giáo dục học sinh. Nâng cao chất lượng phong trào khuyến học, khuyến tài ở các địa phương, đơn vị.

#### 4.2. Y tế và dân số kế hoạch hóa gia đình:

\* Mục tiêu và phương hướng phát triển:

- Thực hiện công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân theo quan điểm trong Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 23/02/2005 của Bộ Chính trị. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, điều trị cho nhân dân.

- Quan tâm đào tạo cán bộ y tế là con em các dân tộc tại cơ sở để bổ sung lực lượng bác sĩ về cơ sở, tiếp tục đào tạo bác sĩ chuyên ngành.

- Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở đủ các điều kiện cần thiết chăm sóc sức khỏe nhân dân, giảm tỷ lệ mắc và tỷ lệ chết do bệnh tật gây ra. Từng bước tạo sự công bằng trong hưởng thụ chăm sóc y tế.

- Nâng tỷ lệ bác sĩ lên 04 bác sĩ/10.000 dân vào năm 2015 và khoảng 05 bác sĩ/10.000 dân vào năm 2020.

- Phấn đấu giảm tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng xuống dưới 10% vào năm 2015 và khoảng 6% vào năm 2020.

- Năm 2015 có 100% xã, thị trấn có trạm y tế đạt chuẩn quốc gia. Nâng cao tuổi thọ trung bình của huyện đến năm 2020 trên 73 tuổi.

- Dân số trung bình của huyện đến năm 2015 khoảng 107,4 nghìn người và đến năm 2020 khoảng 112,6 nghìn người; Tốc độ tăng dân số trung bình giai đoạn 2011 - 2015 là 1,05%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 là 0,95%/năm. Mật độ dân số đến năm 2020 sẽ lên đến 165,1 người/km<sup>2</sup>.

\* Một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động chăm sóc sức khỏe nhân dân, đa dạng các hình thức truyền thông dân số. Hoàn thành các chương trình mục tiêu quốc gia y tế hàng năm.

- Tăng cường công tác truyền thông giáo dục sức khỏe, nâng cao nhận thức của nhân dân trong việc chăm sóc sức khỏe cho bản thân, gia đình và cộng đồng. Triển khai rộng rãi phong trào xây dựng làng văn hóa - sức khỏe, thực hiện nếp sống văn minh rèn luyện nâng cao sức khỏe.

- Tăng cường nguồn lực cho phát triển y tế, từng bước đầu tư trang thiết bị y tế hiện đại phục vụ cho khám, điều trị bệnh, có chính sách tài chính phù hợp đảm bảo ưu tiên cho y tế phát triển.

- Tổ chức rà soát và bổ sung nhân lực trong toàn huyện về số lượng, cơ cấu, trình độ giải quyết, khắc phục những bất cập trong bố trí, sử dụng nhân lực của các cơ sở y tế đảm bảo tiêu chuẩn, sử dụng phù hợp với chuyên môn được đào tạo.

- Củng cố phát triển y tế cơ sở; đẩy mạnh công tác y tế dự phòng, thực hiện có chất lượng các chương trình y tế, không để các dịch và ngộ độc thực phẩm lớn xảy ra. Phát triển y học cổ truyền, nghiên cứu bảo tồn các bài thuốc quý của địa phương, đẩy mạnh hoạt động y học cổ truyền.

- Công tác khám chữa bệnh: Chọn bước đi phù hợp, chuyển hoạt động khám chữa bệnh ở bệnh viện đa khoa huyện thành hoạt động dịch vụ công. Thực hiện BHYT toàn dân vào năm 2015, quan tâm khám chữa bệnh cho người hưởng chính sách xã hội, người nghèo, trẻ em.

- Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về y tế. Khuyến khích xây dựng bệnh viện tư nhân và liên doanh với nước ngoài trên địa bàn huyện. Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính đối với các cơ sở y tế công lập.

#### 4.3. Văn hoá, thông tin và thể dục thể thao:

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về văn hoá thông tin, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các loại hình hoạt động văn hóa - thông tin, thực hiện xã hội hóa các hoạt động văn hóa - thông tin.

- Hỗ trợ phát triển văn hóa truyền thống. Tạo môi trường văn hóa lành mạnh; giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc. Duy trì và nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”.

- Phấn đấu sớm có trung tâm văn hóa - thể thao, thư viện, sân bãi thể thao, nhà truyền thống và khu vui chơi giải trí, đội thông tin lưu động đáp ứng yêu cầu phục vụ tổ chức các hoạt động văn hóa thông tin.

- Ngăn chặn, đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Thực hiện bình đẳng giới, nâng cao vị thế của người phụ nữ và bảo vệ quyền lợi của trẻ em. Thực hiện chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng; chính sách phát triển thanh niên Việt Nam.

- Xây dựng nhà văn hóa thôn, bản trở thành điểm trung tâm học tập cộng đồng của nhân dân.

- Tuyên truyền giáo dục lối sống lành mạnh, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội.

- Trước năm 2015, 100% thôn, tổ dân phố có nhà văn hóa. Từng bước xây dựng thư viện trung tâm là thư viện điện tử, xây dựng thiết chế văn hóa thôn, xã, thị trấn theo tiêu chí nông thôn mới.

- Năm 2015 có 80% hộ gia đình; 70% số thôn, tổ dân phố và trên 95% số cơ quan, đơn vị, trường học đạt tiêu chuẩn văn hóa. Đến năm 2020, tỷ lệ tương ứng là 90%; 85%; 98%.

- Đến năm 2015, 90% số hộ được xem truyền hình, 100% xã được phủ sóng phát thanh và truyền hình. Đến năm 2020, 100% số hộ được xem truyền hình.

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển thể dục thể thao (TDTT) cả về quy mô và chất lượng. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ngành TDTT của huyện; hoàn thiện quy hoạch và đầu tư đảm bảo mỗi xã, thị trấn, trường học có cơ sở luyện tập trước năm 2015. Đến năm 2020 mỗi thôn, bản đều phải có điểm thể thao đáp ứng các nhu cầu cơ bản như: Sân luyện tập và vui chơi thể thao; nhà văn hóa thôn kết hợp với nhà thi đấu thể thao và các sân đón giản phục vụ cho nhu cầu tập luyện ngày càng tăng.

#### 4.4. Về lao động, thương binh, xã hội:

Khuyến khích mọi thành phần kinh tế, thực hiện các giải pháp để giúp người thất nghiệp, người thiếu việc có việc làm. Giải quyết hợp lý mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển nguồn lực con người và giải quyết việc làm cho người lao động.

- Giai đoạn 2011 - 2015 giải quyết việc làm cho khoảng 2.500 người/năm; giai đoạn 2016 - 2020 từ 2.500 - 2.600 người/năm.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đến năm 2015 đạt trên 50%, đến năm 2020 tỷ lệ này đạt khoảng 85%.

- Làm tốt công tác chăm sóc người có công, các gia đình chính sách xã hội, phấn đấu bình quân thu nhập của các gia đình chính sách, người có công bằng mức sống trung bình của người địa phương. Toàn bộ các đối tượng chính sách xã hội được hưởng thụ các ưu đãi theo quy định của Nhà nước. Quan tâm đến người nghèo và người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

## 5. Phát triển kết cấu hạ tầng

### 5.1. Phát triển mạng lưới giao thông:

- Hệ thống giao thông đường bộ huyện Bảo Thắng phải liên kết hài hoà với hệ thống quốc lộ, tỉnh lộ, các trung tâm kinh tế, văn hoá, du lịch.

- Ưu tiên đầu tư các tuyến giao thông quan trọng, đặc biệt là các tuyến đường từ trung tâm huyện đến trung tâm các xã và các tuyến đường xã, đường thôn phục vụ sản xuất, dân sinh; vùng cây nông, lâm nghiệp, vùng nuôi thủy sản lớn tạo thuận lợi cho nông dân đi lại, trao đổi hàng hóa.

- Đến năm 2015, kiên cố hóa hệ thống đường huyện và cứng hóa các tuyến đường xã quan trọng trên địa bàn huyện, 95% các thôn, bản có đường giao thông thuận lợi để phục vụ nhu cầu đi lại, trao đổi hàng hóa giữa các vùng, đảm bảo giao thông thông suốt trong mùa mưa lũ.

- Đường tỉnh lộ qua huyện: Tiếp tục cải tạo nâng cấp, bảo dưỡng các tuyến đường tỉnh qua huyện: TL 151 (đoạn Km 0 - Km 10); TL 157 (đoạn Phố Mới - Phong Hải); xây dựng đoạn nối QL4E (Km 12) với thị trấn Tầng Loỏng; xây dựng tuyến nối thị trấn Tầng Loỏng với cầu Bến Đèn; xây dựng tuyến Sơn Hà - Tầng Loỏng nối với Tả Thàng - Thanh Phú (kết nối với huyện Sa Pa).

- Đường huyện: Tiếp tục hoàn thiện và duy tu bảo dưỡng hệ thống đường huyện.

- Đường xã (đường liên thôn): Cải tạo, nâng cấp toàn bộ các tuyến đường liên thôn, liên xóm hiện có.

- Nâng cấp hệ thống cầu hiện có; nâng cấp, cải tạo Ga Phố Lu; cải tạo nâng cấp quốc lộ 4E và cầu Phố Lu; xây dựng mới cầu qua sông Hồng;

- Xây dựng hoàn chỉnh đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai đoạn qua địa bàn huyện Bảo Thắng.

- Quy hoạch hệ thống bến, bãi đỗ xe trên địa bàn huyện đảm bảo thuận tiện, an toàn giao thông.

### 5.2. Phát triển hệ thống thủy lợi, cấp thoát nước:

Tiếp tục củng cố và hoàn thiện hệ thống thủy lợi, khai thác hiệu quả các công trình thủy lợi hiện có, đồng thời tiếp tục tận dụng các sông, suối xây dựng mới công trình thủy lợi. Đến năm 2015 đảm bảo tưới, tiêu cho 95% diện tích canh tác; đến năm 2020 đủ nước tưới, tiêu cho 100% diện tích canh tác.

### 5.3. Phát triển hệ thống lưới điện:

Đáp ứng đủ và kịp thời nhu cầu tiêu thụ điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân, tiếp tục đầu tư mới và nâng cấp các công trình cấp điện sinh hoạt, giao thông nông thôn. Đến năm 2015, 100% số hộ được sử dụng điện trong đó 95% là điện lưới, đảm bảo chất lượng chiếu sáng. Trong các công trình điện, trước mắt ưu tiên đầu tư cho các công trình điện phục vụ sản xuất cho các khu, cụm công nghiệp, TTCN, các làng nghề và các khu tái định cư.

### 5.4. Phát triển bưu chính viễn thông:

- Đầu tư nâng cấp Bưu điện trung tâm huyện; nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính, đặc biệt là các dịch vụ có tính chất về thời gian chuyển phát nhanh. Bên cạnh việc nâng cao chất lượng các dịch vụ truyền thống, áp dụng công nghệ mới, công nghệ lai ghép bưu chính - viễn thông - công nghệ thông tin... nhằm phát triển thêm nhiều các loại hình dịch vụ lai ghép, dịch vụ bưu chính điện tử tiện lợi, hiệu quả phục vụ tối đa nhu cầu của xã hội.

- Tiếp tục nâng cấp, cải tạo hệ thống điểm bưu điện văn hóa xã, đồng thời xây mới điểm bưu điện văn hóa cho các xã để đảm bảo mỗi xã có một điểm bưu điện văn hóa xã với quy mô khoảng 80 m<sup>2</sup> tại trung tâm xã.

- Phấn đấu thông tin liên lạc được thông suốt, đến năm 2015 đạt 15 - 20 máy điện thoại/100 dân; đến năm 2020 đạt 30 - 40 máy/100 dân.

### 5.5. Phát triển hệ thống cấp nước sinh hoạt:

- Đối với thị trấn huyện Bảo Thắng và các cụm dân cư liền kề đảm bảo cấp nước sạch thường xuyên và giải quyết nước thoát, tránh gây ô nhiễm môi trường.

- Đối với khu vực nông thôn phát triển hệ thống cấp nước theo nhiều quy mô đảm bảo phù hợp với mạng lưới phân bổ dân cư và địa hình từng xã. Chú ý đầu tư hệ thống nước thoát cho từng khu vực đồng dân, khu vực chăn nuôi tập trung.

## 6. Phương hướng phát triển theo lãnh thổ

### 6.1. Định hướng phát triển đô thị:

- Phát triển hệ thống đô thị, thị trấn, thị tứ của huyện gắn với trục phát triển kinh tế theo quốc lộ 70 (hình thành và phát triển thị trấn Bản Phiệt, thị trấn Nông trường Phong Hải, thị tứ Bắc Ngầm và thị trấn huyện lỵ Phố Lu) và tỉnh lộ 151 (thị trấn Tằng Loỏng), trong đó:

+ Quy hoạch định hướng phát triển thị trấn Phố Lu đạt đô thị loại IV vào năm 2015, thành thị xã sau năm 2015.

+ Chính trang, nâng cấp thị trấn Nông trường Phong Hải, thị trấn Tằng Loỏng đến năm 2015 đạt đô thị loại V là trung tâm kinh tế, thương mại, dịch vụ tiêu vùng gắn với sự phát triển của Khu công nghiệp Tằng LoỎng và dịch vụ của huyện.

- Định hướng phát triển thị tứ Bắc Ngầm đạt đô thị loại V đến năm 2015 để có cơ sở hình thành trung tâm huyện lỵ của huyện Bảo Thắng sau năm 2015. Thị trấn Phố Lu được mở rộng về phía Tây sông Hồng (khoảng 1.000 ha) và đạt đô thị loại IV đến năm 2015.

- Phát triển hệ thống các khu dân cư thị tứ, trung tâm cụm xã gắn với sự phát triển các trung tâm của các xã.

#### 6.2. Định hướng phát triển khu dân cư nông thôn:

- Đáp ứng đầy đủ nhu cầu đất ở nhưng phải tiết kiệm, hạn chế chuyển từ đất sản xuất nông nghiệp.

- Bố trí dân cư thuận tiện cho giao lưu kinh tế, văn hóa; thuận lợi cho sinh hoạt, sản xuất và phát triển kinh tế gia đình.

- Bố trí dân cư phải ở những địa điểm có môi trường sinh thái tốt, không tác động xấu đến môi trường.

- Đối với những điểm dân cư nông thôn đang tồn tại ổn định lâu dài khi quy hoạch xây dựng phải thiết kế cải tạo, chỉnh trang các khu chức năng, các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

- Bố trí hợp lý hệ thống hạ tầng xã hội như khu vui chơi giải trí, thể thao, cây xanh, y tế, giáo dục... đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, tinh thần của nhân dân.

Từng bước thực hiện xây dựng các xã theo hướng nông thôn mới, phấn đấu đến năm 2015 có 8 xã đạt các tiêu chí nông thôn mới và đến năm 2020, 100% các xã đạt tiêu chí nông thôn mới.

### **IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH**

#### **1. Giải pháp về vốn đầu tư phát triển:**

- Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (bao gồm cả vốn ODA) dành chủ yếu cho phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội. Dự kiến vốn đầu tư từ ngân sách sẽ đáp ứng được khoảng 60% nhu cầu vốn đầu tư trong thời kỳ quy hoạch.

- Nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp và từ dân: Ước tính chiếm khoảng 30% trong cơ cấu vốn đầu tư.

- Vốn tín dụng và liên doanh, liên kết với các địa phương ngoài huyện: Dự kiến sẽ đáp ứng được 10% tổng nhu cầu vốn đầu tư.

#### **2. Phát triển nguồn nhân lực:**

Tăng cường đầu tư cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa để nâng cao trình độ dân trí, tỷ lệ lao động được đào tạo và sức khoẻ cho người lao động.

#### **3. Phát triển khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường:**

Có các biện pháp gắn phát triển khoa học, công nghệ với sản xuất; ứng dụng nhanh các thành tựu của khoa học và kỹ thuật vào sản xuất và các lĩnh vực khác như: Quản lý, điều hành, bảo vệ môi trường...

**4. Hợp tác với các địa phương trong tỉnh và vùng:**

- Phối hợp với địa phương trong tỉnh trong việc xây dựng các tour du lịch; về giới thiệu và tư vấn tìm việc làm, xuất khẩu lao động ra nước ngoài...

- Phối hợp với các địa phương trong vùng trong xây dựng mạng lưới kết cấu hạ tầng, nhất là các tuyến đường giao thông, xây dựng mạng lưới chợ trung tâm cụm xã cung cấp các loại hàng nông, lâm sản, thực phẩm, rau hoa quả chất lượng cao cho thị trường.

**5. Thực hiện tốt cơ chế, chính sách của Nhà nước hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các huyện, xã miền núi, vùng cao.****V. TỔ CHỨC VÀ ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH**

- Tổ chức công bố, phổ biến Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến 2020 cho các cấp ủy Đảng và chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn huyện

- Tuyên truyền, thu hút sự chú ý của nhân dân và các nhà đầu tư thực hiện quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Thường kỳ tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới.

- Triển khai các quy hoạch chi tiết như quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch mặt bằng khu tiểu thủ công nghiệp, khu du lịch, khu dân cư tập trung...

**Điều 2.** Giao UBND huyện Bảo Thắng căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện nêu trong Quy hoạch, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

1. Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp xã, thị trấn; quy hoạch phát triển hệ thống đô thị và các điểm dân cư; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, các lĩnh vực để bảo đảm sự phát triển tổng thể và đồng bộ.

2. Lập các kế hoạch 5 năm, hàng năm; các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội trọng điểm; các dự án cụ thể để tập trung đầu tư, bố trí ưu tiên đầu tư một cách hợp lý.

3. Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của huyện trong từng giai đoạn, nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

**Điều 3.** Giao các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình, hỗ trợ UBND huyện Bảo Thắng nghiên cứu lập các quy hoạch nêu tại Điều 1 Điều 2; nghiên cứu xây dựng và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Bảo

Thắng trong từng giai đoạn nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, khuyến khích, thu hút đầu tư để bảo đảm thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện nêu trong Quy hoạch. Đây nhanh việc đầu tư, thực hiện các công trình, dự án có quy mô, tính chất vùng và quan trọng đối với sự phát triển của huyện Bảo Thắng đã được quyết định đầu tư. Nghiên cứu, xem xét điều chỉnh, bổ sung vào các quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án liên quan dự kiến sẽ được đầu tư nêu trong Quy hoạch.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Bảo Thắng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

**Nguyễn Văn Vịnh**

### DANH MỤC

## **CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BẢO THẮNG ĐẾN NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số: 431/QĐ-UBND ngày 24/02/2011 của UBND tỉnh Lào Cai)

<b>STT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Địa điểm</b>
<b>I</b>	<b>Chương trình, dự án phát triển đô thị, khu dân cư</b>	
1	Quy hoạch mạng lưới dân cư ở tất cả các xã	
2	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới hạ tầng cơ sở cho các khu dân cư	
3	Quy hoạch và xây dựng thị trấn Phố Lu đạt đô thị loại IV	
4	Nâng cấp thị trấn Tằng Loỏng và thị trấn Phong Hải đạt đô thị loại V	
5	Quy hoạch và xây dựng thị tứ Bắc Ngầm đạt đô thị loại V đến năm 2015	
<b>II</b>	<b>Chương trình, dự án phát triển giao thông</b>	
1	Xây dựng cầu, cống thôn Làng Mạ - Dốc Đá	Xã Trì Quang
2	Nâng cấp đường thôn Bản Mạ - Dốc Đá	Xã Trì Quang
3	Rải cáp phối đường Nhò Trong - Làng Ễn	Xã Trì Quang
4	Xây dựng cầu Làng Đào	Xã Trì Quang
5	Xây dựng cầu Làng Mạ	Xã Trì Quang
6	Rải cáp phối đường Bãi Nghệ - Khẩu Cồ	Xã Bản Cầm
7	Rải cáp phối đường Nậm Tang C11	Xã Bản Cầm
8	Đường liên thôn Cù 1 - Cù 2	Xã Xuân Giao
9	Đường Vàng 1 - 2 - Tiên Lợi 2	Xã Xuân Giao
10	Đường thôn Hợp Giao	Xã Xuân Giao
11	Rải cáp phối đường thôn Mỏ	Xã Xuân Giao
12	Rải cáp phối đường thôn Tân Lợi	Xã Xuân Giao
13	Rải cáp phối thôn Mường 1 - thôn 5	Xã Xuân Giao
14	Đường vào khu thiêt chế văn hoá xã (thôn Hùng Xuân 2)	Xã Xuân Giao
15	Đường tràn liên thôn Cù 1 - Cù 2	Xã Xuân Giao
16	Đường tràn liên thôn Phèo	Xã Xuân Giao
17	Rải cáp phối đường Tằng Loỏng 1 + 2	TT Tằng Loỏng
18	Rải cáp phối đường vào xóm Khe Trì - Làng Bông	Xã Xuân Quang
19	Rải cáp phối đường thôn Hốc Đá	Xã Xuân Quang
20	Rải cáp phối đường thôn Làng Lân - Làng Gạo	Xã Xuân Quang

21	Rải cấp phối đường thôn Hang Đá	Xã Xuân Quang
22	Rải cấp phối đường thôn Làng Bạc	Xã Xuân Quang
23	Rải cấp phối đường Tân Quang - Làng Chảng	Xã Xuân Quang
24	Rải cấp phối đường thôn Trang Nùng	Xã Xuân Quang
25	Rải cấp phối đường thôn Xuân Quang II	Xã Xuân Quang
26	Rải cấp phối đường thôn Nậm Cút	Xã Xuân Quang
27	Cầu vào xóm Khe Trì	Xã Xuân Quang
28	Cầu vào thôn Hang Đá	Xã Xuân Quang
29	Cầu vào thôn Trang Nùng	Xã Xuân Quang
30	Cầu vào thôn Na Ó	Xã Xuân Quang
31	Cầu vào thôn Nậm Cút	Xã Xuân Quang
32	Cầu vào thôn Xuân Quang II	Xã Xuân Quang
33	Cầu vào thôn Thái Vô	Xã Xuân Quang
34	Cầu ông Miều (đường vào xã Sơn Hà)	Xã Sơn Hà
35	Cầu thôn Khe Đèn	Xã Sơn Hà
36	Cầu thôn Trà Trầu	Xã Sơn Hà
37	Cầu trên đường từ QL - Làng Chung	Xã Sơn Hà
38	Cầu thôn Cố Hải (khu ông Huyên)	Xã Sơn Hà
39	Cống bản thôn Cánh Địa	Xã Sơn Hải
40	Cầu thôn An Tiến (khu ông Tú)	Xã Sơn Hải
41	Rải cấp phối đường Làng Chung - Nam Hải	Xã Sơn Hải
42	Rải cấp phối QL 4E - Nam Hải	Xã Sơn Hải
43	Cầu Làng Cung - Cốc Toòng	Xã Phong Niên
44	Cầu Cốc Toòng - Xuân Đâu	Xã Phong Niên
45	Đường Cốc Toòng - Cốc Sâm 1	Xã Phong Niên
46	Đường Làng Cung 3 - Làng Cung 2	Xã Phong Niên
47	Đường Làng Cung 3 - Cốc Toòng	Xã Phong Niên
48	Đường Xả Hồ - Phìn Giàng	Xã Phong Niên
49	Đường Tân Hồ Thượng - Thuận Hải	Xã Phong Niên
50	Rải cấp phối đường Làng Có 1, 2	Xã Phong Niên
51	Rải cấp phối đường Cốc Tǔm - Cán Hồ	Xã Phong Niên
52	Nâng cấp đường thôn Cốc Tǔm 1	Xã Phong Niên
53	Nâng cấp đường thôn Cốc Tǔm 2	Xã Phong Niên
54	Nâng cấp đường thôn An Phong	Xã Phong Niên

55	Nâng cấp đường thôn Cốc Sâm 2	Xã Phong Niên
56	Nâng cấp đường thôn Cốc Sâm 4	Xã Phong Niên
57	Nâng cấp đường thôn Phìn Giàng	Xã Phong Niên
58	Nâng cấp đường thôn Xả Hồ	Xã Phong Niên
59	Nâng cấp đường thôn Tân Phong - Tam Giác	Xã Phong Niên
60	Rải cáp phối đường thôn Cốc Lầy - Pắc Tà	Xã Bản Phiệt
61	Rải cáp phối thôn Thuỷ Điện - Nậm Sò	Xã Bản Phiệt
62	Rải cáp phối đường thôn Nậm Sưu	Xã Bản Phiệt
63	Cầu thôn Cốc Lầy	Xã Bản Phiệt
64	Đường thôn Làng Ói - Cốc Lầy	Xã Bản Phiệt
65	Rải cáp phối đường Phú Hải - Nhuần 6	Xã Phú Nhuận
66	Rải cáp phối đường Phú Hà - Khe Hoi	Xã Phú Nhuận
67	Đường GTNT Phú Hợp 2 - Phú Hợp 3	Xã Phú Nhuận
68	Cầu thôn Phú Hợp 1	Xã Phú Nhuận
69	Cầu thôn Phú Hà 1	Xã Phú Nhuận
70	Cầu Phú Thịnh 1	Xã Phú Nhuận
71	Cầu thôn Khe Bá	Xã Phú Nhuận
72	Cầu thôn Nhuần 2	Xã Phú Nhuận
73	Cầu thôn Phú Hải 4	Xã Phú Nhuận
74	Cầu thôn Đầu Cọ	Xã Phú Nhuận
75	Cầu thôn Đầu Nhuần	Xã Phú Nhuận
76	Cầu thôn Phú Thịnh 4	Xã Phú Nhuận
77	Đường từ thôn Phú Thịnh qua cầu Phú Thịnh ra Phòng QLĐT	TT Phố Lu
78	Nâng cấp đường Tân Lập	Xã Trì Quang
79	Nâng cấp đường Phú Long (vào khu TTCN)	TT Phố Lu
80	Cầu qua suối khe Túc thôn Phú Cường 2	TT Phố Lu
81	Cầu qua suối khe Lũng Châu thôn Phú Cường 3	TT Phố Lu
82	Cầu Tân Thành xã Phố Lu	Xã Phố Lu
83	Nâng cấp, cải tạo TL151	Đoạn Km 0 - Km 10
84	Nâng cấp, cải tạo TL157	Phố Mới - Phong Hải
85	Xây dựng đoạn nối QL4E với thị trấn Tằng Loỏng	Km 12
86	Xây dựng tuyến nối thị trấn Tằng Loỏng với cầu Bến Đền	

87	Xây dựng tuyến nối Tà Thảng - Thanh Phú (kết nối huyện với huyện Sa Pa)	
88	Cải tạo, nâng cấp cầu Phố Lu	
89	Cải tạo, nâng cấp QL4E	
90	Xây dựng hoàn chỉnh đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai đoạn qua địa bàn huyện	
91	Quy hoạch và xây dựng bến xe	
<b>III</b>	<b>Chương trình, dự án phát triển thủy lợi</b>	
1	Thủy lợi thôn Nhà Trong	Xã Trì Quang
2	Thủy lợi thôn Trì Thượng 1	Xã Trì Quang
3	Thủy lợi thôn Làng Đào 2	Xã Trì Quang
4	Thủy lợi thôn Nậm Tang	Xã Bản Cầm
5	Thủy lợi thôn Nậm Choỏng	Xã Bản Cầm
6	Đập ngăn nước thôn Nậm Chủ	Xã Bản Cầm
7	Đập ngăn nước thôn Bản Cầm	Xã Bản Cầm
8	Đập ngăn nước thôn Nậm Choỏng	Xã Bản Cầm
9	Thủy lợi Làng Chưng xã Sơn Hà	Xã Sơn Hà
10	Thủy lợi Khe Đèn + Tả Hà 4	Xã Sơn Hà
11	Thủy lợi thôn Khe Mụ	Xã Sơn Hà
12	Thủy lợi thôn An Thắng	Xã Sơn Hà
13	Thủy lợi thôn An Trà	Xã Sơn Hà
14	Hồ Gốc Bòng xã Sơn Hà	Xã Sơn Hà
15	Đập Ý Sửu - thôn Chành	Xã Xuân Giao
16	Nâng cấp, sửa chữa hồ Hợp Xuân	Xã Xuân Giao
17	Nâng cấp, sửa chữa đập Ná Tầu	Xã Xuân Giao
18	Thủy lợi thôn Chành	Xã Xuân Giao
19	Thủy lợi Trát 2	TT Tằng Loỏng
20	Thủy lợi thôn Cán Hồ	Xã Phong Niên
21	Thủy lợi thôn Làng Cung 3	Xã Phong Niên
22	Thủy lợi thôn Cốc Sâm 3	Xã Phong Niên
23	Thủy lợi Hải Sơn - Làng Đèn	Xã Phú Nhuận
24	Thủy lợi thôn Làng Bông	Xã Xuân Quang
25	Thủy lợi thôn Xuân Đâu	Xã Xuân Quang
26	Thủy lợi thôn Gốc Mít	Xã Xuân Quang
27	Thủy lợi thôn Hốc Đá	Xã Xuân Quang

28	Thuỷ lợi thôn Trang Nùng	Xã Xuân Quang
29	Thuỷ lợi thôn Làng Lân	Xã Xuân Quang
30	Thuỷ lợi thôn Tân Quang	Xã Xuân Quang
31	Thuỷ lợi thôn Km 10 - Hốc Đá	Xã Xuân Quang
32	Thuỷ lợi thôn Km 9 - Gốc Mít	Xã Xuân Quang
33	Thuỷ lợi thôn Đập Trần - Xuân Đâu	Xã Xuân Quang
34	Thuỷ lợi thôn Gốc Quýt - Làng Bạc	Xã Xuân Quang
35	Thuỷ lợi thôn Làng Ói	Xã Bản Phiệt
36	Thuỷ lợi đầu nguồn Khe Đại thôn An Tiến	Xã Sơn Hải
37	Thuỷ lợi thôn Tân Lập	Xã Sơn Hải
38	Kè chống sói mòn mương tiêu úng thôn Đồng Tâm	Xã Sơn Hải
39	Thuỷ lợi thôn Tòng Già	TT Phong Hải
40	Thuỷ lợi Thôn 2	TT Phong Hải
41	Thuỷ lợi thôn Khởi Khe - Cốc Né.	TT Phong Hải
42	S/c đập thuỷ lợi, kênh mương thôn Khu 3	Xã Phố Lu
43	S/c đập thuỷ lợi, kênh mương thôn Đá Đen	Xã Phố Lu
44	Thuỷ lợi Hải Sơn 1	Xã Phú Nhuận
45	Thuỷ lợi Phú Thịnh 4	Xã Phú Nhuận
46	Kè đập chứa nước Hải Sơn 1	Xã Phú Nhuận
47	Xây cống hồ chứa nước thôn Nhuần 1	Xã Phú Nhuận
48	Thuỷ lợi thôn Khe Hoi	Xã Phú Nhuận
49	Thuỷ lợi thôn Nhuần 2	Xã Phú Nhuận
50	Thuỷ lợi thôn Đầu Co	Xã Phú Nhuận
51	Thuỷ lợi thôn Hải Sơn 2	Xã Phú Nhuận
<b>IV</b>	<b>Chương trình dự án phát triển hệ thống điện</b>	
1	Cáp điện thôn Bản Cầm - Nậm Tang	Xã Bản Cầm
2	Trạm biến áp thôn Nậm Chủ	Xã Bản Cầm
3	Cáp điện sinh hoạt thôn Khẩu Cồ	Xã Bản Cầm
4	Cáp điện thôn Cù 2	Xã Xuân Giao
5	Đường điện 0,4 kv thôn Giao Bình	Xã Xuân Giao
6	Đường điện 0,4 kv thôn Tiên Lợi 2	Xã Xuân Giao
7	Cáp điện thôn Tầng Loỏng 1 - 2	TT Tầng Loỏng
8	Cáp điện thôn Trát 1 + 2	TT Tầng LoỎng
9	Cáp điện sinh hoạt thôn Đầu Nhuần	Xã Phú Nhuận

10	Cáp điện sinh hoạt thôn Đầu Cọ	Xã Phú Nhuận
11	Cáp điện sinh hoạt thôn Phìn Hồ	Xã Phú Nhuận
12	Cáp điện sinh hoạt thôn Phú An - Tân Lập	Xã Phú Nhuận
13	Cáp điện sinh hoạt thôn Phú Hải 1, 2, 3, 4	Xã Phú Nhuận
14	Cáp điện sinh hoạt thôn Nhuần 1, 2, 3, 4, 5 - Tân Hồ	Xã Phú Nhuận
15	Cáp điện sinh hoạt thôn Phú Thịnh 3 - Phìn Hồ	Xã Phú Nhuận
16	Cáp điện sinh hoạt thôn Phú Hợp 1, 2, 3	Xã Phú Nhuận
17	Trạm biến áp thôn Cốc Toòng	Xã Phong Niên
18	Cáp điện sinh hoạt tuyến Khởi Khe - Quy Ke - Cốc Né thị trấn Phong Hải	Phong Hải
19	Cáp điện sinh hoạt tuyến Khởi Khe thị trấn Phong Hải - Khe Dùng xã Thái Niên	Phong Hải - Thái Niên
20	Cáp điện thôn Ải Nam	TT Phong Hải
21	Cáp điện thôn Sín Thèn	TT Phong Hải
22	Cáp điện thôn Cửa Cải - Vi Mã	TT Phong Hải
23	Cáp điện sinh hoạt 3 thôn Phú Cường 2, Phú Thịnh 3 và Phú Long 1 thị trấn Phố Lu	TT Phố Lu
24	Nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng TT Phố Lu	TT Phố Lu
25	Cáp điện 3 thôn Cầu Sum, Mom Đào 1 và Khe My xã Thái Niên	Xã Thái Niên
26	Cáp điện 3 thôn Ải Nam, Sín Thèn và Cửa Cải thị trấn Phong Hải	Phong Hải
27	Cáp điện thôn Soi Cơ - Soi Giá xã Gia Phú.	Xã Gia Phú
28	Cáp điện sinh hoạt thôn Bản Cam - xã Gia Phú	Xã Gia Phú
29	Cáp điện sinh hoạt thôn Bản Cầm - xã Bản Cầm	Xã Bản Cầm
30	Cáp điện sinh hoạt thôn Bản Lợt - xã Bản Cầm	Xã Bản Cầm
31	Cáp điện thôn Làng Đền - xã Phú Nhuận	Xã Phú Nhuận
32	Cáp điện sinh hoạt thôn Tòng Già - TT Phong Hải	TT Phong Hải
33	Đường dây 0,4KV + TBA thôn Quyết Tâm, xã Thái Niên	Xã Thái Niên
34	Đường dây 0,4KV + TBA thôn Làng Múc, xã Thái Niên	Xã Thái Niên
35	Nâng cấp đường dây điện thôn Làng Bông	Xã Xuân Quang
36	Nâng cấp đường dây điện thôn Làng My	Xã Xuân Quang
37	Nâng cấp đường dây điện thôn Làng Bạc	Xã Xuân Quang
38	Nâng cấp đường dây điện thôn Làng Gạo	Xã Xuân Quang
39	Nâng cấp đường dây điện thôn Gốc Mít	Xã Xuân Quang
40	Nâng cấp đường dây điện thôn Làng Lân	Xã Xuân Quang
41	Nâng cấp đường dây điện thôn Hang Đá	Xã Xuân Quang

42	Nâng cấp đường dây điện thôn Cốc Mần	Xã Xuân Quang
43	Nâng cấp đường dây điện thôn Xuân Quang II	Xã Xuân Quang
44	Nâng cấp đường dây điện thôn Nậm Cút	Xã Xuân Quang
45	Nâng cấp đường dây điện thôn Cửa Cải	Xã Xuân Quang
46	Nâng cấp đường dây điện thôn Nậm Dù	Xã Xuân Quang
47	Nâng cấp đường dây điện thôn Hốc Đá	Xã Xuân Quang
48	Nâng cấp đường điện 0,4Kv thôn Phú Hải 1, 2, 3, 4	Xã Phú Nhuận
49	Đường dây 0,4KV + TBA thôn Làng Vàng - Tiên Lợi	Xã Xuân Giao
50	Đường dây 0,4KV + TBA thôn Cù 2 - Làng Hà xã Xuân Giao	Xã Xuân Giao
51	Đường dây 0,4KV + TBA thôn Hùng Xuân - Làng Chành	Xã Xuân Giao
52	Đường điện 0,4KV thôn An Trà xã Sơn Hà.	Xã Sơn Hà
<b>V</b>	<b>Chương trình dự án phát triển hệ thống cấp thoát nước</b>	
1	Sửa chữa CNSH 3 thôn Tân Lập - Quang Lập - Làng Èn	Xã Trì Quang
2	Cấp nước sinh hoạt thôn Nậm Chủ, Nậm Choóng	Xã Bản Cầm
3	Cấp nước sinh hoạt thôn Khẩu Cồ	Xã Bản Cầm
4	CNSH thôn Khe Hoi	Xã Phú Nhuận
5	Cấp nước sinh hoạt TT Phong Hải (thôn 1, 2, 3, 4, 5)	TT Phong Hải
6	Cấp nước sạch Trung tâm ngã ba Xuân Giao	Xã Xuân Giao
7	Cấp nước sạch Trung tâm xã Phố Lu	Xã Phố Lu
8	Cấp nước sạch Trung tâm xã Gia Phú	Xã Gia Phú
<b>VI</b>	<b>Chương trình dự án phát triển giáo dục - đào tạo</b>	
1	Dự án tăng cường cơ sở vật chất, cải tạo, nâng cấp kiên cố hóa trường, lớp	
2	Xây dựng trường chuẩn ở các bậc học mầm non, tiểu học, THCS, THPT	
3	Dự án xây dựng trường mẫu giáo cho các thôn để mỗi thôn có lớp học kiên cố hóa	
4	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Giáo dục thường xuyên - hướng nghiệp huyện	
5	Xây dựng trung tâm học tập cộng đồng ở các xã	
6	Xây dựng mô hình trường bán trú dân nuôi có sự hỗ trợ của Nhà nước.	
<b>VII</b>	<b>Chương trình dự án phát triển y tế</b>	
1	Xây dựng mới và nâng cấp các Trạm Y tế đảm bảo 100% các xã có Trạm Y tế kiên cố (xây dựng trạm theo mẫu định hình)	
2	Mở rộng Trung tâm Y tế huyện	
3	Xây mới Trung tâm Y tế dự phòng.	

4	Tăng cường cơ sở vật chất, cải tạo, nâng cấp hệ thống trạm y tế các xã	
<b>VIII</b>	<b>Chương trình dự án phát triển thương mại, dịch vụ</b>	
1	Cải tạo nâng cấp hệ thống chợ xã	
2	Xây dựng siêu thị tại thị trấn Phố Lu và thị trấn Tằng Loỏng	
3	Xây mới chợ xã Bản Cảm, chợ xã Xuân Giao, chợ Trung tâm thị trấn Lu	
4	Nâng cấp, cải tạo chợ Tằng Loỏng	
5	Xây dựng khu du lịch sinh thái tại thôn Đầu Nhuần - xã Phú Nhuận và thôn Trát - TT Tằng Loỏng	
6	Dự án tôn tạo các khu di tích lịch sử trên địa bàn huyện	
<b>IX</b>	<b>Chương trình, dự án phát triển công nghiệp - TTCN</b>	
1	Dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp tập trung Tằng Loỏng	
2	Dự án xây dựng 4 cụm TTCN: Cụm TTCN Phú Long II - TT Phố Lu; cụm TTCN Gia Phú; cụm Xuân Quang và cụm TTCN Bản Phiệt	
3	Dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề mới	
<b>X</b>	<b>Chương trình, dự án phát triển nông, lâm, thủy sản</b>	
1	Chương trình chuyên đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi	
2	Dự án xây dựng các mô hình khuyến nông, khuyến ngư	
3	Các dự án trồng rừng, trồng cây cao su, cây công nghiệp...	
<b>XI</b>	<b>Chương trình, dự án phát triển văn hóa, thông tin, thể dục thể thao</b>	
1	Dự án nâng cấp, hoàn thiện các thiết chế văn hóa ở Trung tâm huyện (nhà văn hóa, bảo tàng, thư viện...)	
2	Dự án nâng cấp, hoàn thiện các thiết chế văn hóa cấp xã	
3	Dự án quy hoạch và xây dựng cơ sở thể dục thể thao các xã	
<b>XII</b>	<b>Chương trình, dự án khác</b>	
1	Sửa chữa nâng cấp các trụ sở làm việc	
2	Quy hoạch và xây dựng bãi rác trên địa bàn huyện	

\* **Ghi chú:** Về vị trí, quy mô, diện tích chiếm đất, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tuỳ thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động các nguồn lực của từng thời kỳ.